

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK khu vực

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL Đồng loạt tăng giá trong phiên hôm nay nhờ diễn biến tích cực của thị trường tương lai chứng khoán Mỹ

## [Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HPG, PNJ

## [Quan điểm đầu tư]

Trái lệnh chốt lời từng phần theo kỳ vọng tại các vùng giá cao khi chỉ số chớm vượt vùng 1000 điểm.

23/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	994.19	+0.42
VN30	960.03	+0.96
HĐTL VN30F1M	959.40	+0.73
HNXIndex	148.18	+0.66
HNX30	268.50	+0.57
UPCoM	66.69	+0.39
USD/VND	23,171	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.57	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+5
Dầu (WTI, \$)	43.18	+2.44
Vàng (LME, \$)	1,870.43	-0.03



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 994.19 (+0.42%)  
**KLGD (triệu CP)** 450.1 (-3.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 454.6 (+10.3%)

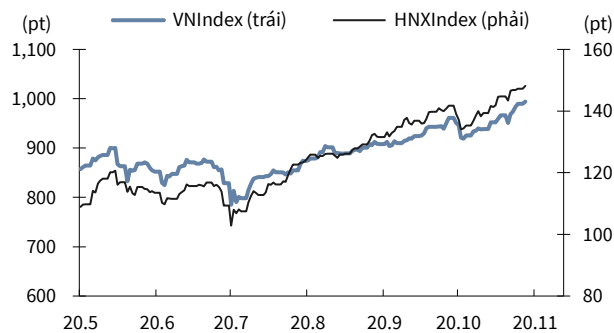
**HNXIndex** 148.18 (+0.66%)  
**KLGD (triệu CP)** 63.7 (+1.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 43.6 (+7.3%)

**UPCoM** 66.69 (+0.39%)  
**KLGD (triệu CP)** 31.0 (-17.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 21.2 (+34.0%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +5.8

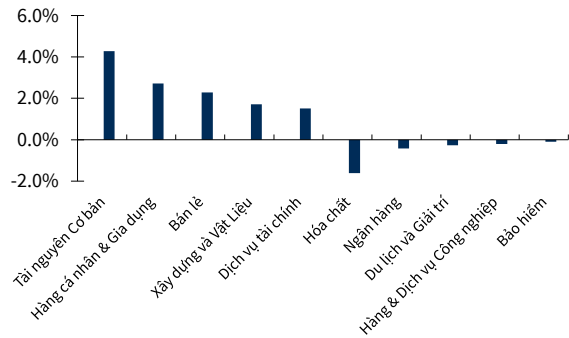
TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK khu vực trước kỳ vọng kinh tế toàn cầu khởi sắc nhờ vaccine Covid-19. Các nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ đầu tư công như thép HPG (+5%), NKG (+0.4%), hạ tầng C4G (+4.7%), VCG (+3.9%) tăng mạnh sau thông tin từ Ủy ban Tài chính ngân sách cho biết vốn phân bổ cho đầu tư công năm 2021 sẽ tăng 1.4% yoy, bên cạnh nguồn vốn tồn đọng chưa giải ngân hết trong năm nay. Đánh giá của Bộ Công Thương cho biết dệt may là 1 trong 5 mặt hàng hưởng lợi lớn nhất từ Hiệp định RCEP mới đây được ký kết, giúp cổ phiếu dệt may tăng giá ở TCM (+5.2%), GIL (+3.8%). Cổ phiếu ngành chứng khoán như HCM (+3.6%), SSI (+2.7%) đồng loạt tăng mạnh trước diễn biến tăng của thanh khoản thị trường nhiều phiên gần đây. Nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng phiên thứ 4 liên tiếp ở VHM (+2.7%), HPG (+5%), VNM (-0.3%).

## VNIndex & HNXIndex



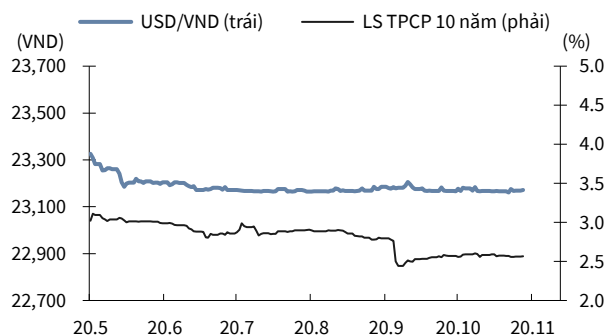
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



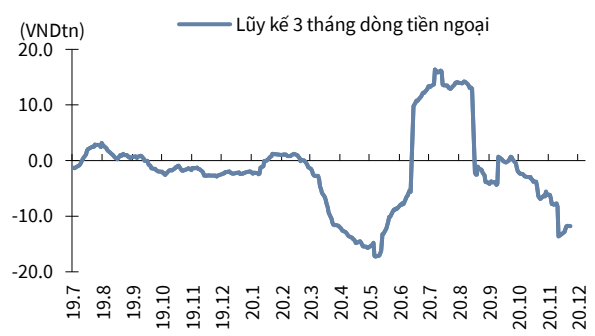
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



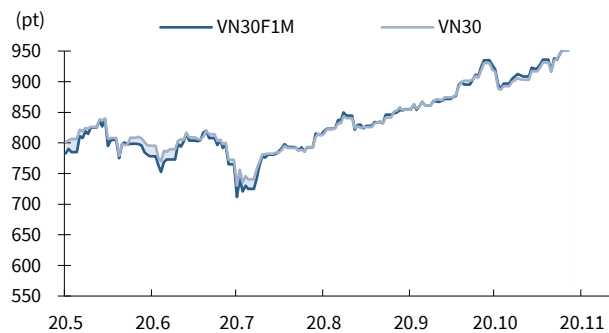
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>960.03 (+0.96%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>959.4 (+0.73%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>952.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>961.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>948.4</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>107,164 (+17.6%)</b>

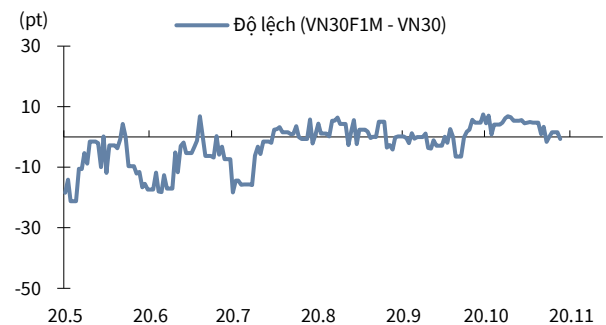
Các HĐTL đồng loạt tăng giá trong phiên hôm nay nhờ diễn biến tích cực của thị trường tương lai chứng khoán Mỹ. Chênh lệch giữa F2012 và VN30 Index mở cửa ở 1.51 điểm và nhanh chóng tăng lên mức cao nhất trong ngày ở 3.11 điểm. Chênh lệch sau đó suy giảm và giao dịch chủ yếu trong biên độ -1.4 điểm đến -3.36 điểm, trước khi đóng cửa tăng nhẹ lên -0.63 điểm khi nhà đầu tư nội địa tăng vị thế long vào cuối phiên. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh mua ròng ở F2012.

## HĐTL VN30F1M & VN30



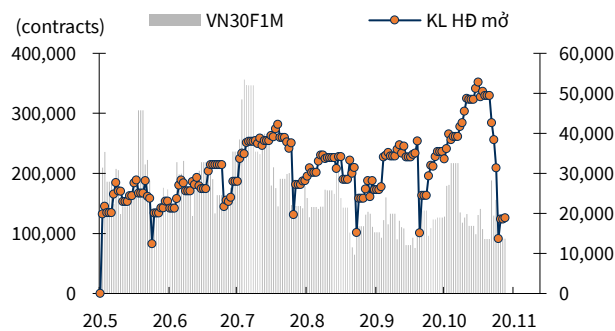
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



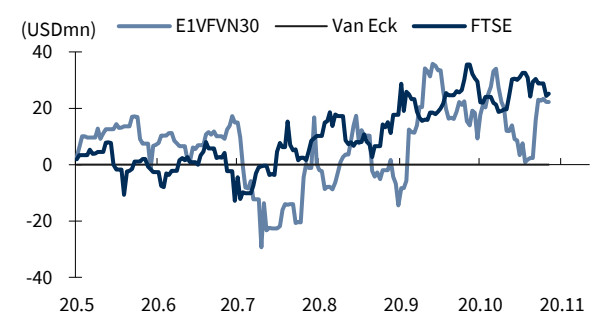
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

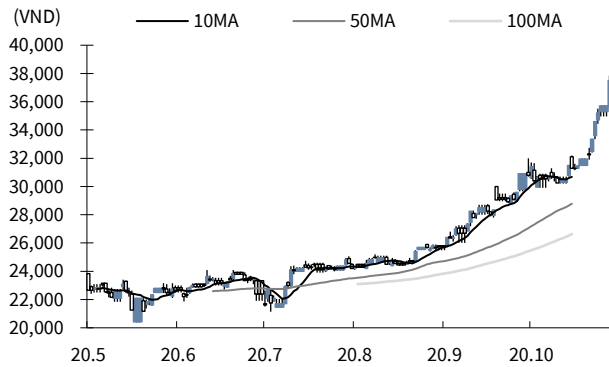
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

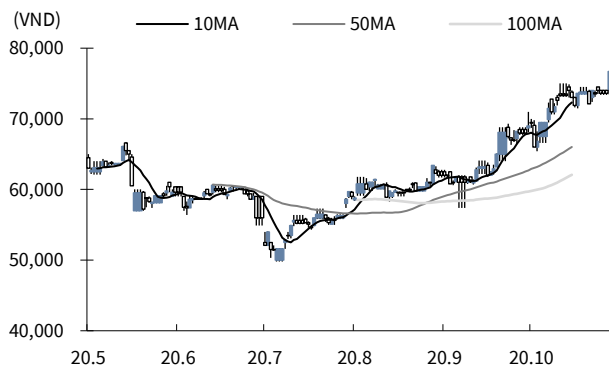
## Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 5% lên 37,500 VND/cp.
- Tại lễ kỷ niệm 5 năm thành lập, Công ty Phát triển nông nghiệp Hòa Phát, công ty con của HPG, đặt mục tiêu cung cấp ra thị trường 150,000 con bò Australia, 250,000 heo thương phẩm và đạt sản lượng 700,000 trứng mỗi ngày vào cuối năm 2020. Đến năm 2022, công ty sẽ đạt sản lượng tối đa công suất thiết kế 600,000 tấn thức ăn chăn nuôi, 500,000 đầu heo thương phẩm, 250,000 bò thịt, 300 triệu trứng gà sạch mỗi năm và hướng tới phát triển theo chuỗi 3F (Feed – Farm – Food).

## Công ty cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 4.2% lên 76,700 VND/cp.
- PNJ vừa thông báo kết quả kinh doanh tháng 10 với lợi nhuận đạt 175 tỷ đồng (+35% YoY), doanh thu 1,827 tỷ đồng (+6.5% YoY) và biên lợi nhuận gộp đạt 21.9%, tăng so với mức 20.4% cùng kỳ. Trong tháng 10, PNJ đã đưa nhãn hiệu Style by PNJ vào vận hành với các sản phẩm mang tính cá nhân hóa và phù hợp với các phong cách riêng của từng phân khúc khách hàng. PNJ hiện có tổng cộng 341 cửa hàng, trong đó 10 tháng đầu năm 2020 mở mới 26 cửa hàng và nâng cấp 8 cửa hàng.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

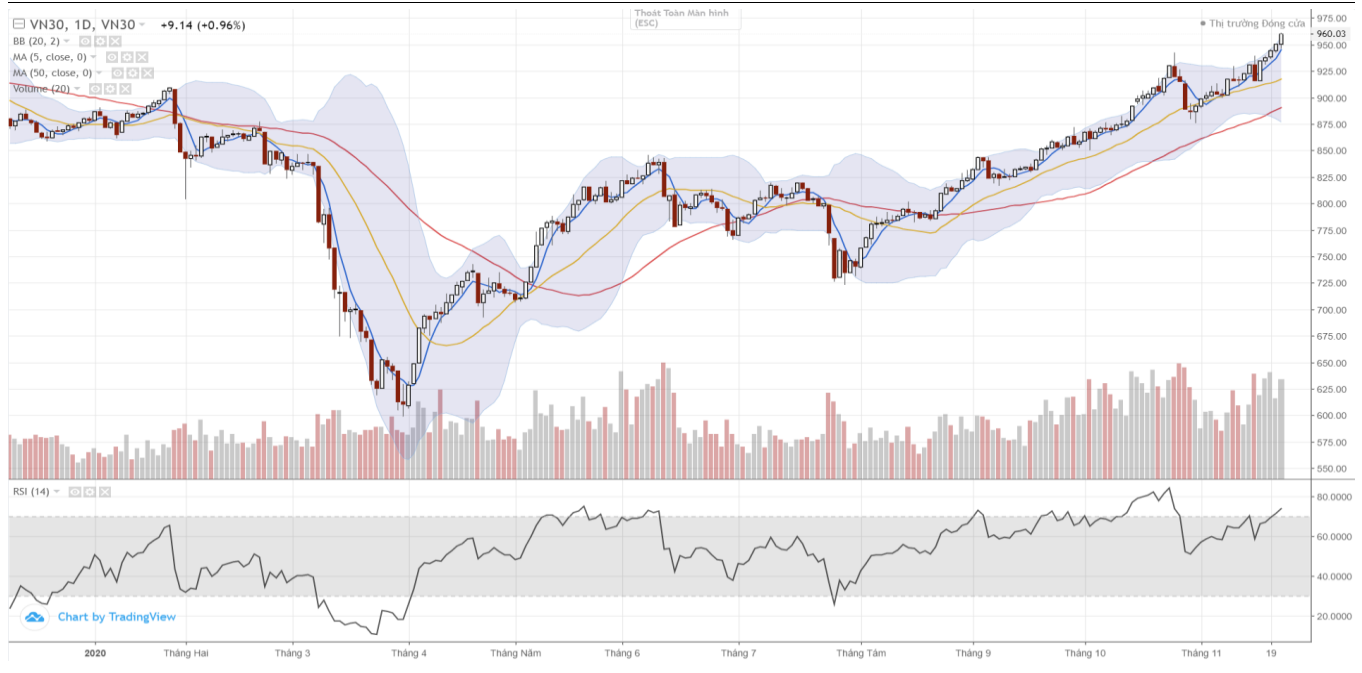
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



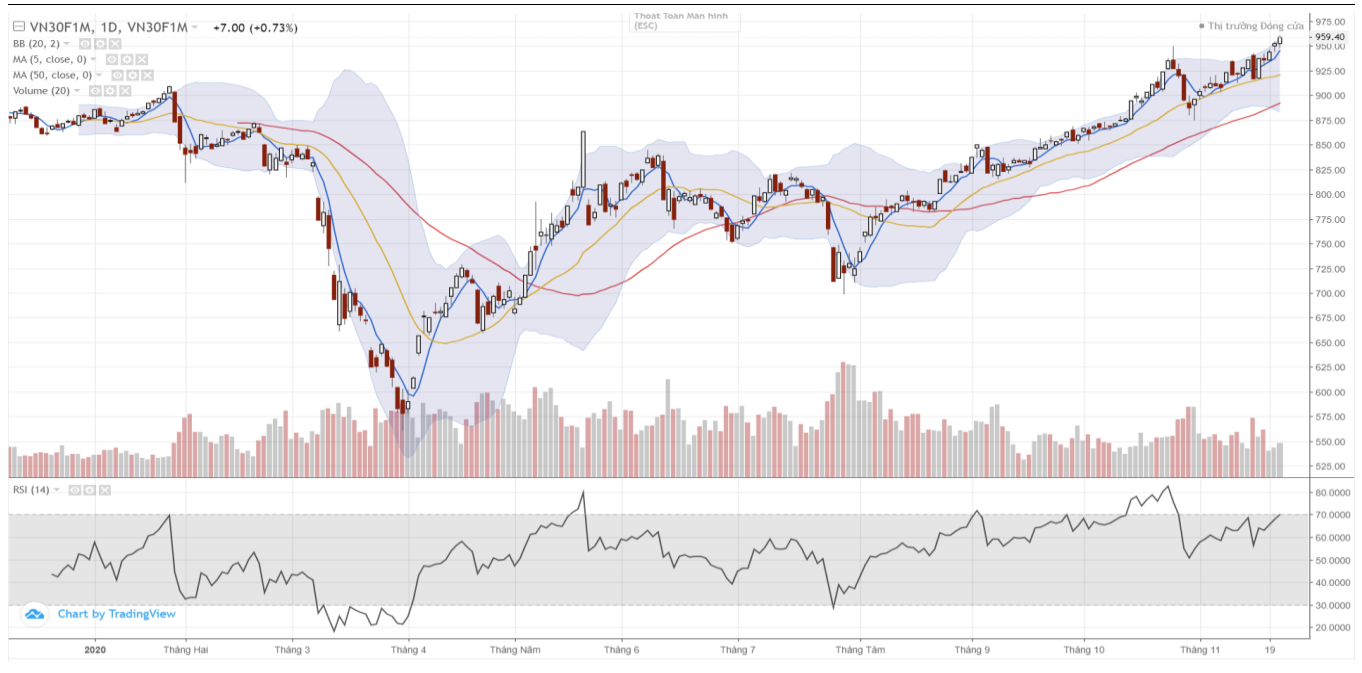
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Thị trường trải qua nhịp điều chỉnh vào đầu phiên trước khi hồi phục và bật tăng về cuối phiên.
- VNIndex đã bắt đầu thử thách cận dưới của vùng kháng cự quanh 1000. Mặc dù khả năng tạo đỉnh ngắn hạn ngay chưa cao nhưng chúng tôi bắt đầu chuyển sang quan điểm thận trọng kể từ vùng điểm hiện tại. Rủi ro đảo chiều bất ngờ sẽ dần gia tăng khi chỉ số thử thách cận trên hoặc chớm vượt vùng cản này.
- NĐT được khuyến nghị bắt đầu trải lệnh chốt lời từng phần theo kỳ vọng tại các vùng giá cao khi chỉ số chớm vượt vùng 1000 điểm.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 970 - 975

**Kháng cự gần:** 960 - 964

**Hỗ trợ gần:** 950 - 952

**Hỗ trợ xa:** 945 - 948

— Sau nhịp điều chỉnh vào đầu phiên, F1 đã dần hồi phục và bật tăng về cuối phiên.

— F1 đã bắt đầu thử thách cận dưới của vùng kháng cự 96x. Mặc dù khả năng tạo đỉnh ngắn hạn ngay chưa cao nhưng chúng tôi bắt đầu chuyển sang quan điểm thận trọng đối với đà tăng kể từ vùng điểm hiện tại. Rủi ro đảo chiều bất ngờ sẽ dần gia tăng khi F1 thử thách cận trên hoặc chớm vượt vùng cản này.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch cả 2 chiều, mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Có thể chốt lời từng phần khi chỉ số tiến sâu lên cận trên của vùng kháng cự 96x.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

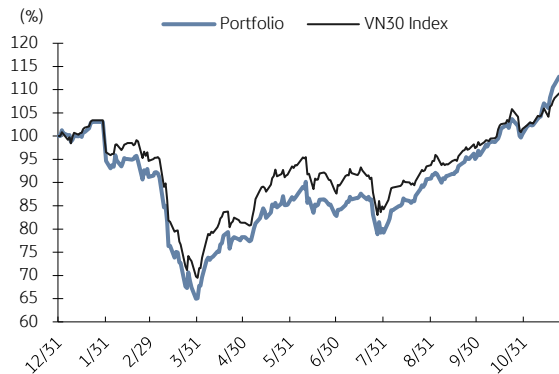
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.96%	1.61%
Tăng lũy kế (YTD)	9.21%	12.82%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,200	2.2%	-2.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,600	0.5%	17.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	76,700	4.2%	0.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,200	-0.5%	12.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	46,050	3.5%	35.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,900	1.3%	67.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,900	-0.9%	34.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	83,500	2.1%	13.8%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	37,500	5.0%	91.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	15,300	-1.3%	11.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	2.7%	21.9%	118.5
HPG	5.0%	33.2%	62.0
VNM	-0.3%	58.0%	41.2
GAS	2.1%	3.0%	26.6
VRE	0.2%	30.5%	23.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HDB	-0.2%	18.5%	-42.6
MSN	1.3%	33.8%	-34.7
HCM	3.6%	48.5%	-17.3
NKG	0.4%	18.2%	-15.4
CVT	6.9%	9.7%	-14.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BAX	-1.8%	4.2%	0.5
GIC	3.6%	0.2%	0.4
CVN	9.6%	0.9%	0.3
PVI	1.4%	54.4%	0.3
SD9	1.6%	3.8%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DXP	0.0%	18.3%	-2.6
SHS	1.4%	8.0%	-1.3
NBC	0.0%	6.0%	-0.8
QTC	0.6%	29.6%	-0.8
TIG	3.4%	15.0%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	14.3%	HPG, POM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.2%	GAS, POW
Ô tô và phụ tùng	7.5%	TCH, DRC
Hóa chất	7.2%	GVR, PHR
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.4%	PNJ, TCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	0.2%	PNC, AAA
Y tế	1.1%	VDP, DBD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.1%	LGC, TMS
Thực phẩm và đồ uống	2.9%	MSN, BHN
Bất động sản	3.0%	BCM, NBB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	20.6%	HPG, HSG
Hóa chất	19.3%	GVR, PHR
Hàng cá nhân & Gia dụng	11.4%	PNJ, TCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.8%	GAS, POW
Xây dựng và Vật Liệu	9.6%	VGC, HT1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.9%	PNC, YEG
Thực phẩm và đồ uống	0.3%	MSN, BHN
Bất động sản	0.9%	VIC, BCM
Dầu khí	2.3%	PVD, PLX
Ô tô và phụ tùng	2.5%	HAX, HTL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	103,800	351,096 (15,152)	91,327 (3.9)	22.8	56.4	41.7	19.5	6.7	8.7	4.0	3.7	0.0	1.8	-0.2	-9.7
	VHM	VINHOMES JSC	80,600	265,135 (11,443)	205,012 (8.8)	27.1	10.0	8.6	35.1	38.2	31.8	3.1	2.3	2.7	5.2	1.4	-5.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,700	62,943 (2,716)	140,227 (6.1)	18.5	26.5	19.7	-2.7	8.3	11.5	2.2	2.0	0.2	3.2	-2.3	-18.5
	NVL	NO VA LAND INVES	61,700	60,842 (2,626)	82,714 (3.6)	32.9	16.0	15.4	3.5	15.8	13.9	2.4	-	0.2	0.7	-1.0	3.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	26,600	14,864 (642)	40,588 (1.8)	10.0	13.8	11.5	14.3	14.1	15.6	1.8	1.6	0.6	9.5	9.0	3.8
	DXG	DAT XANH GROUP	13,900	7,204 (311)	81,519 (3.5)	13.0	17.5	7.0	-55.3	3.1	14.0	1.0	0.9	-2.5	4.5	13.9	-4.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	91,600	339,733 (14,662)	75,441 (3.3)	6.4	20.9	17.8	10.4	19.4	19.0	3.5	2.9	-1.0	6.8	4.7	1.6
	BID	BANK FOR INVESTM	41,100	165,305 (7,134)	67,550 (2.9)	12.7	25.8	18.2	-3.7	9.2	11.6	2.0	1.8	-0.2	3.0	-4.0	-10.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,600	82,603 (3,565)	496,579 (21.4)	0.0	7.7	6.6	5.4	16.0	15.9	1.1	1.0	0.9	3.1	-1.7	0.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	32,900	122,500 (5,287)	262,071 (11.3)	0.9	14.4	10.7	27.0	12.2	14.7	1.5	1.3	-0.9	3.1	3.5	57.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	25,500	62,163 (2,683)	155,958 (6.7)	0.4	7.5	6.5	5.2	17.9	16.8	1.2	1.0	0.0	5.6	-0.8	27.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,200	53,244 (2,298)	158,557 (6.8)	0.0	6.9	5.9	9.4	18.3	17.6	1.1	1.0	-0.5	0.8	1.9	6.2
	HDB	HDBANK	25,750	32,334 (1,395)	86,969 (3.8)	3.0	7.3	6.3	25.8	19.1	18.4	1.2	1.0	-0.2	2.2	1.2	21.5
	STB	SACOMBANK	14,600	26,333 (1,136)	191,422 (8.3)	14.5	15.2	12.5	11.0	7.4	8.4	0.9	0.9	3.2	7.0	0.3	45.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,550	20,047 (865)	41,655 (1.8)	0.0	6.5	5.4	30.8	22.4	20.4	1.2	1.0	-0.4	1.4	-0.4	16.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,150	21,085 (910)	5,207 (0.2)	0.0	26.8	29.2	9.1	5.5	4.7	1.3	1.2	-0.6	0.0	-2.0	-3.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	56,800	42,164 (1,820)	48,640 (2.1)	20.4	34.6	29.2	2.5	6.3	7.7	2.2	2.1	0.0	5.2	2.3	-17.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,800	2,631 (114)	7,689 (0.3)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	0.0	0.3	2.5	16.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,700	11,238 (485)	89,419 (3.9)	51.6	12.6	11.6	-15.9	9.2	9.7	-	-	2.7	5.6	4.5	20.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	41,150	6,814 (294)	41,608 (1.8)	73.8	-	-	-	-	-	-	-	1.1	-2.7	7.3	39.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	24,250	7,397 (319)	63,873 (2.8)	51.5	-	-	-	-	-	-	-	3.6	7.8	9.7	13.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,250	3,597 (155)	28,759 (1.2)	15.8	-	-	-	-	-	-	-	0.9	1.5	7.8	19.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	110,600	231,115 (9,974)	210,101 (9.1)	42.0	22.6	20.7	6.3	38.6	39.7	8.0	7.3	-0.3	3.3	0.5	13.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	190,500	122,164 (5,272)	19,181 (0.8)	36.9	28.3	23.3	3.3	22.4	25.3	5.9	5.3	-0.8	4.8	2.5	-16.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	83,100	97,616 (4,213)	219,266 (9.5)	15.3	105.6	39.1	-58.2	2.4	6.7	3.0	2.9	1.3	-1.0	-3.4	47.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,300	13,635 (588)	17,881 (0.8)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	4.7	11.8	3.4	-11.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	118,900	62,284 (2,688)	65,516 (2.8)	11.9	-	19.9	-91.0	0.0	20.3	4.3	3.8	0.0	6.9	12.9	-18.7
	GMD	GEMADEPT CORP	27,350	8,121 (350)	28,521 (1.2)	0.0	20.2	18.0	-53.3	6.8	7.4	1.4	1.3	1.7	2.8	15.4	17.4
	CII	HO CHI MINH CITY	17,450	4,168 (180)	25,815 (1.1)	39.6	8.8	8.2	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	2.6	4.5	-0.6	-22.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	10,223 (0.4)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-0.9	-4.8	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,500	10,104 (436)	195,047 (8.4)	36.4	26.3	11.3	-20.9	10.5	13.6	-	-	-0.9	8.9	1.2	11.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	63,100	4,814 (208)	53,040 (2.3)	3.1	7.9	8.7	-34.2	7.3	6.7	0.6	0.5	3.1	0.5	10.9	23.0
	REE	REE	46,050	14,278 (616)	19,343 (0.8)	0.0	9.3	8.4	-9.0	13.6	13.8	1.2	1.1	3.5	5.4	9.6	26.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	83,500	159,815 (6,897)	87,040 (3.8)	46.0	19.8	16.8	-14.2	17.0	18.4	3.2	3.1	2.1	15.2	13.6	-10.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,900	6,592 (285)	3,150 (0.1)	29.6	10.2	9.7	-7.3	15.5	16.5	1.6	1.5	-0.4	-1.7	1.3	5.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,150	7,422 (320)	3,402 (0.1)	33.7	8.9	8.5	-13.6	14.4	14.6	1.2	1.2	0.2	1.1	0.0	-13.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	37,500	124,248 (5,362)	596,358 (25.7)	15.8	11.2	9.2	14.1	20.6	20.6	2.2	1.8	5.0	16.3	21.4	91.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,150	6,711 (290)	48,357 (2.1)	36.5	9.8	10.3	7.6	9.6	8.6	0.8	0.8	-0.3	-2.0	-0.3	32.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,150	6,432 (278)	41,268 (1.8)	45.3	11.8	20.9	-3.9	9.3	5.6	1.0	1.0	-0.8	-2.0	-5.1	86.9
	HSG	HOA SEN GROUP	17,700	7,864 (339)	220,448 (9.5)	37.7	9.6	8.6	71.2	13.3	12.2	-	-	-3.8	-2.5	14.9	138.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,728 (118)	17,109 (0.7)	97.7	6.6	7.5	39.3	13.3	10.5	0.7	0.6	0.0	9.8	5.6	1.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,700	61,794 (2,667)	23,751 (1.0)	4.2	54.4	17.3	-42.9	5.0	15.1	2.5	2.3	0.2	5.3	2.4	-9.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,600	5,306 (229)	76,461 (3.3)	40.3	48.3	49.4	-14.7	0.8	1.0	0.4	0.4	-0.4	8.2	10.5	-16.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,100	4,250 (183)	35,251 (1.5)	32.1	8.9	8.2	-11.1	10.5	10.6	0.9	0.8	0.0	3.8	11.0	-10.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	113,200	51,235 (2,211)	112,042 (4.8)	0.0	13.7	10.1	11.2	26.9	28.9	3.3	2.7	2.2	3.2	2.9	-0.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	76,700	17,267 (745)	90,625 (3.9)	0.0	19.1	15.7	0.2	20.8	23.3	3.5	3.2	4.2	6.4	12.8	-10.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,700	1,398 (060)	1,621 (0.1)	69.9	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-0.4	-0.2	-0.8	20.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,400	1,769 (076)	8,676 (0.4)	13.9	15.0	10.6	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.1	-1.3	1.4	-4.3	6.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	65,000	8,807 (380)	66,319 (2.9)	36.5	8.9	8.2	25.2	36.4	31.8	2.9	2.5	0.6	6.4	17.1	70.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,600	13,415 (579)	467 (0.0)	45.2	19.1	17.6	11.9	21.6	20.5	3.7	3.4	0.0	0.0	-1.3	12.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	73,900	5,543 (239)	1,350 (0.1)	29.9	15.7	-	7.3	16.4	-	2.6	-	0.3	-0.1	5.4	36.1
IT	FPT	FPT CORP	55,900	43,820 (1,891)	120,569 (5.2)	0.0	12.8	11.1	19.1	22.7	23.5	2.6	2.3	1.3	4.9	3.7	10.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.